TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **116**/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 25 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2019/TLST-VHNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về yêu cầu "công nhận thuận tình ly hôn" giữa người yêu cầu:

- Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1964; Đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: P4-B3 tập thể T II, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

- Ông **Hoàng Văn S,** sinh năm 1956; Đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: P4-B3 tập thể T II, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Bà Lê Thị L và ông Hoàng Văn S có đăng ký kết hôn vào 14 tháng 01 năm 1995 tại UBND phường Cầu Giấy, quận B, thành phố Hà Nội (số 06, quyển số I).

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà **Lê Thị L** và ông **Hoàng Văn S**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung**:

Vợ chồng có hai con chung là anh Hoàng Minh T, sinh ngày 21 tháng 5 năm 1990 và anh Hoàng Minh T, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1993 đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

*** Về tài sản chung và nhà ở**: Bà L, ông S tự thỏa thuận về tài sản chung và nhà ở, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Bà L, ông S xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về lệ phí sơ thẩm**: Bà Lê Thị L tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005304 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường N, quận B, thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhung